Mẫu số 40-DS

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK HÀ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30 /2019/QĐST-HNGĐ	*Đăk Hà, ngày 26 tháng 3 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 12/2019/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2019 *(Thụ lý cũ số: 153/2018/TLST- HNGĐ ngày 26/12/2018)*
- Giữa:

- Chị Vũ Thu T, sinh năm 1994 – Nguyên đơn.

Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1991 – Bị đơn.

Địa chỉ: Thôn Q, xã Hà Mòn, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82; 116 và điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 *(bảy)* ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thu T và anh Nguyễn Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thu T và anh Nguyễn Văn D tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng đều xác nhận có một con chung tên là Nguyễn Minh K, sinh ngày 03/11/2016. Các đương sự thỏa thuận giao cháu K cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi *(Tại buổi hòa giải chị T tự nguyện giao con cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, vì hiện tại chị chưa có điều kiện về thời gian để nuôi dưỡng chăm sóc con)*. Chị Vũ Thu T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2019 và đóng vào ngày 15 hàng tháng.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, anh Nguyễn Văn D có đơn yêu cầu thi hành án, mà chị Vũ Thu T không chịu thi hành khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng chị T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

- Về án phí dân sự sơ thẩm *(Thuận tình ly hôn)*:

Áp dụng Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; Điều 6; Điều 18; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các đương sự phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng)*. Chị Vũ Thu T thoả thuận nhận nộp số tiền này. Đồng thời chị Vũ Thu T còn phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng)*. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai số: AA/2010/0009500 ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Chị Vũ Thu T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa cấp cao Đà Nẵng;
- Tòa án tỉnh Kon Tum;
- Viện kiểm sát H;
- Chi cục THADS H;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

NGUYỄN DUY NGỮ